TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149 /2025/DS-PT
Ngày: 19/03/2025
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh E xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125 /2025/QĐ-PT ngày 21tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Lê Thị Ph Tr, sinh năm: 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: 36, ấp Chợ Xếp, xã T, huyện B, tỉnh E.

- Chị Lê Thị Ph Tr1, sinh năm: 1977(Có mặt);

Địa chỉ: 20, khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện N, tỉnh E.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: P27 Park Riverside, Bưng Ông Th, phường H, Tp Đ, TPHCM.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1941;

Địa chỉ: ấp Tân Thuận Trong, xã Tân Phú Tây, huyện B, tỉnh E.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th: Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: 234, KP2, phường P, Tp E, tỉnh E.

2. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E.

Địa chỉ liên lạc: 107E, KP3, thị trấn M, huyện N, tỉnh E.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1963;

4. Chị Nguyễn Quỳnh Ch, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E.

5. Chị Nguyễn Kiều Nh, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: 58, đường số 2, khu dân cư Vc, tổ 159, KP 4, phường B, quận T, TP H.

6. Chị Nguyễn Kim Ng, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: 21/30, Phi Nôm, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: 27/7Q, đường N, phường 16, quận V, TP H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà Ch, bà Nh và bà Ng: Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: P27 Park Riverside, Bưng Ông Th, phường P, Tp Đ, TP H .

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn trình bày:*

Ông ngoại của chị Tr và chị Tr1 là cụ Nguyễn Văn Châu, chết năm 1999; bà ngoại là cụ Đặng Thị Ý, chết năm 2009. Cụ Châu và cụ Ý có 04 người con là Nguyễn Thị Thới, sinh năm 1947, chết năm 1982; (Bà Thới có 02 người con là Lê Thị Ph Tr và Lê Thị Ph Tr1); ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1953; Nguyễn Thị Uyên, sinh năm 1957, chết năm 2017 không chồng con; Nguyễn Thị Ph, sinh

năm 1963 và Trần Văn Th, sinh năm 1941 (ông Th là con riêng của cụ Ý).

Cụ Châu và cụ Ý có tạo lập, quản lý, sử dụng một phần đất có diện tích 16.060m^2 thuộc hai thửa đất số 1431, diện tích 15.760m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 1432, diện tích 300m^2 đất ở nông thôn, hai thửa đất này cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E. Phần đất này cụ Châu và cụ Ý được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1998 cho hộ cụ Đặng Thị Ý. Cụ Châu và cụ Ý chết không để lại di chúc định đoạt di sản để lại. Hiện nay, phần di sản này do bà Nguyễn Thị Ph đang quản lý. Chị Tr, chị Tr1 nhiều lần yêu cầu bà Ph chia thừa kế phần di sản nêu trên của cụ Châu và cụ Ý theo pháp luật nhưng bà Ph không đồng ý.

Nay, chị Tr và chị Tr1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chia thừa kế phần đất thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E có diện tích 16.060m^2, theo đo đạc thực tế có diện tích 16.459,8m^2 : 2 = 8.229,9m^2. Phần di sản của cụ Châu có diện tích 8.229,9m^2; di sản của cụ Ý có diện tích 8.229,9m^2.

Phần di sản của cụ Nguyễn Văn Châu được chia cho 03 người con là bà Thới, ông Ch, bà Ph mỗi người được hưởng 2.743,3m^2.

Phần di sản của cụ Đặng Thị Ý có diện tích 8.229,9m^2 chia cho 04 người con là bà Thới, ông Ch, bà Ph và ông Th mỗi người được hưởng 2.057,4m^2. Như vậy, ông Ch, bà Thới và bà Ph mỗi người được hưởng một kỷ phần là 4.800,7m^2. Do bà Thới đã chết, chị Lê Thị Ph Tr và Lê Thị Ph Tr1 là người thừa kế thế vị của bà Thới được hưởng phần thừa kế của bà Thới. Riêng ông Th được hưởng phần di sản của cụ Ý là 2.057,4m^2. Tại mỗi phần thừa kế được hưởng luôn cây trồng trên đất, không phải hoàn trả lại giá trị cây trồng trên đất cho ai.

Đối với phần đất ở thửa 1432(1) diện tích 300m^2 (thửa mới một phần thửa 231(4) và căn nhà của cụ Châu, cụ Ý; chị Tr, chị Tr1 đồng ý dùng vào việc thờ cúng và giao cho bà Ph quản lý không được cầm cố, thế chấp, mua bán, tặng cho dưới mọi hình thức khi chưa có ý kiến của các đồng thừa kế bằng văn bản; không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế phần đất và nhà này.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph ủy quyền cho ông Đỗ Ngọc Anh trình bày*:

Cha mẹ của bà Ph, ông bà ngoại của chị Tr và chị Tr1, là cụ Nguyễn Văn Châu, chết năm 1999; bà ngoại là cụ Đặng Thị Ý, chết năm 2009. Cụ Châu và cụ Ý có 04 người con là Nguyễn Thị Thới, sinh năm 1947, chết năm 1982; (Bà Thới có 02 người con là Lê Thị Ph Tr và Lê Thị Ph Tr1); ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1953; Nguyễn Thị Uyên, sinh năm 1957, chết năm 2017 không chồng con; Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1963. Còn ông Trần Văn Th, sinh năm 1941 là con riêng

của cụ Ý.

Lúc còn sống, cụ Châu và cụ Ý tạo lập được một phần đất có diện tích 16.060m^2 thuộc hai thửa đất số 1431, diện tích 15.760m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 1432, diện tích 300m^2 đất ở nông thôn, hai thửa đất này cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E. Phần đất này được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1998 cho hộ cụ Đặng Thị Ý. Cụ Châu và cụ Ý chết không để lại di chúc định đoạt di sản để lại. Bà Ph sống với cụ Châu và cụ Ý từ năm 1991 đến khi cụ Châu và cụ Ý chết. Bà Ph là trực tiếp người nuôi dưỡng cụ Châu và cụ Ý lúc tuổi già. Ngoài cụ Châu và cụ Ý, bà Ph nuôi cả bà Uyên do bà Uyên bị bệnh tiểu đường không có sức khỏe, không lao động được nên sống chung với bà Ph, cụ Châu và cụ Ý. Khi cụ Ý và cụ Châu chết phần di sản này do bà Ph quản lý. Đến năm 2012, sau khi cụ Ý chết khoảng 03 năm, các anh chị em trong gia đình gồm: ông Th, bà Uyên, ông Ch; chị Tr và chị Tr1, đại diện cho bà Thới, tham dự họp gia đình tiến hành phân chia thừa kế phần đất trên, việc phân chia này có sự chứng kiến của cán bộ Tư pháp xã T là ông Trần Quan Vinh. Cụ thể phân chia như sau:

- Ông Trần Văn Th được chia 2.000m^2 đất trồng cây lâu năm tại vị trí hướng Bắc của thửa 1431.

- Kế phần đất được chia cho ông Th là phần của bà Nguyễn Thị Uyên có diện tích 3.500m^2;

- Tiếp theo là phần của bà Nguyễn Thị Ph có diện tích 3.500m^2 trong đó có 300m^2 đất thổ cư. Vị trí chia cho bà Ph có căn nhà của cụ Ý và cụ Châu trên đất.

- Tiếp theo là phần của bà Nguyễn Thị Thới, mẹ của chị Tr1 và Tr, có diện tích 3.500m^2.

- Cuối cùng là phần của ông Nguyễn Văn Ch có diện tích 3.500m^2. Lúc phân chia có sự đồng ý của tất cả những người tham gia trong đó có chị Tr và chị Tr1 đồng ý ký tên nhưng không có giấy tờ chứng minh việc phân chia này. Chị Tr1 và chị Tr đang giữ "Biên bản họp gia đình phân chia tài sản thừa kế". Biên bản này được lập 02 bản, chị Tr, chị Tr1 giữ 01 bản; UBND xã T giữ 01 bản. Do tin tưởng chị Tr, chị Tr1 nên chỉ lập 02 bản, không sao ra mỗi người giữ 01 bản nên không có để cung cấp cho Tòa án.

Sau khi phân chia, theo sự phân chia này từng người vô vị trí được phân chia canh tác và quản lý đất từ năm 2012 – 2014. Sau khi canh tác khoảng 02 năm, Nhà nước bắt đầu yêu cầu những người được phân chia làm thủ tục tách thửa cho từng người. Khi tách thửa, vị trí phần đất bà Uyên được chia bị tráo đổi ngoài hiện trạng đất so với thỏa thuận ban đầu nhưng không thay đổi nội dung đã thỏa thuận phân chia trong biên bản họp gia đình. Do phần đất của bà Uyên được phân chia

không đúng vị trí so với biên bản họp nên bà Uyên không đồng ý ký tên tách thửa nên việc phân chia này không thực hiện được cho đến nay.

Khi bà Uyên chết, bà Ph là người quản lý, canh tác, thu huê lợi trên phần đất của bà Uyên được phân chia. Phần của ông Th hiện nay ông Th đang quản lý, canh tác. Còn phần của ông Ch, bà Thới, do chị Tr và chị Tr1 hưởng, không có canh tác, quản lý đất.

Sau khi phân chia canh tác 02 năm, chị Tr, chị Tr1 không đầu tư nên hoa lợi có ít. Chị Tr, chị Tr1 muốn hưởng tại vị trí phần của bà Uyên nên chị Tr với chị Tr1 không canh tác. Lý do chị Tr với chị Tr1 yêu cầu được nhận phần tại vị trí của bà Uyên vì trước đây cụ Ý có hiến một phần đất cho Nhà nước để làm đường đi nên tại vị trí phân chia của ông Th, bà Uyên có đường đi do Nhà nước mở khoảng 02m, vị trí này thuận tiện cho việc mua bán, sang nhượng nên chị Tr, chị Tr1 muốn nhận. Khi phân chia đã có đường đi này. Lúc phân chia, các phần đất được chia không có đường đi nên gia đình thống nhất chừa đường đi có chiều ngang 02m trên mỗi phần đất được phân chia để làm đường đi đến từng kỷ phần được nhận nhưng chị Tr1 và chị Tr không đồng ý. Sau đó nhiều lần họp gia đình, trao đổi để thống nhất việc phân chia nhưng không thống nhất được dẫn đến tranh chấp và kiện đến Tòa án. Tất cả các kỷ phần theo sự phân chia trên đây chỉ quản lý thực tế chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Uyên chết cũng không để lại di chúc. Phần đất đang tranh chấp này là di sản của cụ Ý và cụ Châu, không có phần tài sản của bà Ph.

Đối với diện tích đất 16.060m^2 được UBND huyện Mỏ Cày, tỉnh E cấp cho hộ bà Ý thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E, theo đo đạc thực tế có diện tích 16.459,8m^2.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 hộ của cụ Ý có 04 người gồm: cụ Ý, cụ Châu, ông Ch và bà Uyên. Thửa 1431(1), (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4) diện tích 16.159,8m^2 chia cho hộ là 04 người nêu trên mỗi người 4.039,9m^2; thửa 1432(1) (thửa mới là một phần của thửa 231) diện tích 300m^2 : 4 = 75m^2. Như vậy tài sản thuộc phần thừa kế của cụ Châu để chia thừa kế là 4.039,9m^2 + 75m^2 = 4.111,9m^2.

Tài sản của cụ Ý gồm diện tích thửa 1431(1), (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4) là 4.039,9m^2 + 808m^2 thừa kế từ cụ Châu + 75m^2 là đất ở phần của cụ Ý và 15m^2 đất ở được thừa kế của cụ Châu = 4.937,9m^2.

Phần tài sản không phải là đất ở của cụ Châu : 05 phần là 4.039,9m^2 : 5 = 807,98m^2;

Phần tài sản 300m^2 đất ở của cụ Châu là 75m^2 : 5 = 15m^2;

Đối với phần di sản của cụ Ý là 4.847,9m^2 : 5 = 969,5m^2; phần tài sản của cụ Ý trong 300m^2 đất ở: 90m^2 : 5 = 18m^2. Tổng cộng, tài sản của bà Thới sau khi chia là 1.810,5m^2, trong đó có 33m^2 đất ở.

Ông Ch có tổng tài sản là 5.925,5m^2, trong đó diện tích đất ở là 108m^2; ông Th có tổng tài sản 987,5m^2, trong đó đất ở là 18m^2; bà Uyên có tổng tài sản là 5.925,5m^2, trong đó đất ở là 108m^2; bà Ph có tổng tài sản 1.810,5m^2, trong đó đất ở là 33m^2. Bà Ph có yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản thừa kế của bà Uyên là 5.925,5m^2.

Chi phí bà Ph chăm sóc cụ Châu: Từ năm 1980 – năm 1999: là 19 năm x 2.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 19 năm = 456.000.000 đồng. Căn cứ để xác định chi phí chăm sóc, phụng dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng do án chừng không có chứng cứ chứng minh. Cụ thể việc chăm sóc, phụng dưỡng cụ Châu như chi phí ăn uống, thuốc chữa bệnh, chăm sóc hàng ngày.

Chi phí bà Ph chăm sóc cụ Ý: Từ năm 1980 – năm 2009 là 29 năm x 2.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 29 năm = 696.000.000 đồng. Căn cứ để xác định chi phí chăm sóc, phụng dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng bà Ph cũng chỉ án chừng không có chứng cứ chứng minh.

Tổng chi phí chăm sóc cụ Ý, cụ Châu: 456.000.000 đồng + 696.000.000 đồng = 1.152.000.000 đồng : 5 = 230.400.000 đồng. Các đồng thừa kế phải trả cho bà Ph số tiền nêu trên.

Chi phí bà Ph duy tu giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất từ năm 2009 – 2024 là 15 năm với chi phí ước tính là 1.000.000 đồng/năm x 15 năm = 15.000.000 đồng. Chi phí ước tính là 1.000.000 đồng/năm chỉ do bà Ph án chứng không có chứng cứ chứng minh.

Chi phí cải tạo căn nhà theo các hạng mục của Biên bản định giá ngày 26/12/2023 là 447.836.000 đồng. Tổng chi phí duy tu, cải tạo là 15.000.000 đồng + 447.836.000 đồng = 492.836.000 đồng : 5 = 98.567.000 đồng. Mỗi đồng thừa kế phải hoàn trả cho bà Ph là 98.567.000 đồng.

Chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, ma chay cho bà Uyên từ năm 1980 – 2017 là 37 năm x 2.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 888.000.000 đồng; chi phí ma chay là 50.000.000 đồng. Tổng chi phí chăm sóc và ma chay là 938.000.000 đồng. Căn cứ để xác định chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng bà Uyên là 2.000.000 đồng và chi phí ma chay là 50.000.000 đồng bà Ph cũng chỉ án chứng không có chứng cứ chứng minh.

Những người thuộc hàng thừa kế của bà Uyên gồm bà Ph và ông Ch.

Trường hợp ông Ch mà nhận phần thừa kế của bà Uyên thì ông Ch phải hoàn trả chi phí chăm sóc nuôi dưỡng, ma chay của bà Uyên cho bà Ph là 938.000.000 đồng : 2 = 469.000.000 đồng. Nếu ông Ch không nhận phần di sản của bà Uyên thì bà Ph không có yêu cầu ông Ch hoàn trả lại chi phí này.

Đối với yêu cầu của chị Tr, chị Tr1 yêu cầu: trường hợp Tòa án chấp nhận bà Thới được hưởng một phần di sản của bà Uyên thì các người thừa kế thế vị của bà Thới phải hoàn trả cho bà Ph số tiền chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, ma chay 938.000.000 đồng : 4 = 234.500.000 đồng.

Đối với phần 300m^2 đất ở, bà Ph yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích này và đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất theo giá của Hội đồng định giá đã định giá.

Đối với 10 chỉ vàng 24K 999, yêu cầu chị Tr và Tr1 chia theo pháp luật. Cụ thể: 10 chỉ vàng 24K 999 : 5 = 02 chỉ vàng 24K 999, yêu cầu chia bằng hiện vật.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Quỳnh Chi, Nguyễn Kim Ngân, Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Kiều Nhi là ông Đỗ Ngọc Anh trình bày:*

Chị Chi, Ngân, ông L và Nhi đồng ý với lời trình bày trên đây của bà Ph. Chị Chi, Ngân và Nhi xác định phần đất đang tranh chấp này là di sản của cụ Châu và cụ Ý để lại không có phần tài sản của các chị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th trình bày:*

Ông Th đồng ý với lời trình bày trên đây của bà Ph về nguồn gốc đất đang tranh chấp và thông tin về các con của cụ Ý và cụ Châu.

Ông Th không đồng ý chia phần đất đang tranh chấp cho các thành viên trong hộ, vì tài sản này là tài sản của cụ Ý và cụ Châu để lại. Phần di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 16.459,8m^2, ông Th yêu cầu trừ phần đất thổ cư là 300m^2; 1.700m^2 đất để làm nơi chôn cất cho ông bà. Tổng cộng là 2.000m^2 để cho bà Ph hưởng; còn lại 14.459,8m^2 : 4 phần = 3.539,9m^2. Ông Th yêu cầu được nhận phần thừa kế có diện tích 3.539,9m^2 tại phần đất hiện nay ông Th đang quản lý là phần đất giáp kênh Ngọn Nhỏ.

Đối với yêu cầu bà Ph là người trực tiếp chăm sóc, ma chay nên phần di sản của bà Uyên được bà Ph thụ hưởng ông không đồng ý, vì bà Uyên khi còn sống chưa phân chia phần di sản của cụ Ý và cụ Châu cho bà Uyên nên nay bà Uyên chết, không chồng con nên không có người thế vị. Vì vậy, bà Uyên không được hưởng phần di sản của cụ Ý và cụ Châu. Phần di sản của cụ Ý, cụ Châu để lại chia thành 04 phần như ông đã trình bày. Ông không đồng ý cho bà Ph được

hưởng phần thừa kế của bà Uyên, nếu Tòa án chấp nhận bà Uyên được hưởng 01 phần thừa kế của cụ Ý, cụ Châu ông đồng ý cho bà Ph được hưởng phần thừa kế của bà Uyên mà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản của bà Uyên cho ông.

Đối với yêu cầu của bà Ph yêu cầu các đồng thừa kế phải trả cho bà Ph chi phí chăm sóc cụ Ý và cụ Châu là 1.152.000.000 đồng : 5 = 230.400.000 đồng/người, gồm: bà Thới, ông Th, ông Ch, bà Uyên, bà Ph. Ông Th không đồng ý. Vì khi bà Ph chăm sóc cụ Ý và cụ Châu, chi phí bà Ph lấy từ việc thu huê lợi trên đất để chăm sóc. Tương tự đối với chi phí duy trì, cải tạo giá trị quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu trả chi phí cải tạo căn nhà trên đất là 98.567.000 đồng/người, gồm: bà Thới, ông Th, ông Ch, bà Uyên, bà Ph.

Đối với 10 chỉ vàng 24K 999, trước đây ông có yêu cầu chị Tr, chị Tr1 chia số vàng này theo pháp luật. Cụ thể: 10 chỉ vàng 24K 999 : 5 = 02 chỉ vàng 24K 999, yêu cầu chia bằng hiện vật, gồm bà Thới, ông Th, ông Ch, bà Uyên, bà Ph nhưng nay ông không yêu cầu chị Tr, chị Tr1 chia cho ông số vàng này; ông cũng không đồng ý chia đều số vàng này cho những người thừa kế khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Văn Ch trình bày*:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại diện tích là 07 công, còn phần còn lại 10 công là do cụ Châu và cụ Ý mua vào năm 1958 của bà Lê Thị Thuần và Lê Thị Thuận. Đất này là đất của hộ cụ Ý vì cấp cho hộ. Ông Ch yêu cầu được chia tài sản chung của hộ cụ Ý trong đó ông là 01 thành viên với diện tích là 4.039,9m^2 và 75m^2 đất thổ cư. Ngoài ra, ông yêu cầu được nhận một phần thừa kế theo pháp luật của cụ Ý và cụ Châu là 1.777,5m^2. Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E.

Còn phần căn nhà ông không yêu cầu chia căn nhà, ông Ch đồng ý cho bà Ph được hưởng căn nhà này.

Đối với phần thừa kế của bà Uyên, ông không có yêu cầu được hưởng phần di sản này. Ông Ch đồng ý cho bà Ph được hưởng phần thừa kế của bà Uyên để lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông Ch.

Đối với 10 chỉ vàng 24K 999, ông không yêu cầu chị Tr, chị Tr1 chia phần vàng này, vì không biết có số vàng này hay không.

Tại phiên tòa, chị Tr, chị Tr1 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bà Ph vẫn giữ yêu cầu phản tố; ông Ch, ông Th vẫn giữ yêu cầu độc lập; ông Toàn, đại diện cho chị Tr, chị Tr1; ông Ch, bà Thu đại diện cho ông Th, đồng ý chia cho bà Ph 300m^2 đất thổ cư và căn nhà trên đất được hưởng để bù vào công sức chăm sóc cụ Châu, cụ

Ý và bà Uyên cũng như công sức duy trì, tôn tạo, gìn giữ phần đất đang tranh chấp. Ông Toàn đại diện cho chị Tr, chị Tr1; ông Anh, đại diện cho bà Ph, ông Ch và bà Thu, đại diện cho ông Th đồng ý, tại các thửa 446, 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E tại vị trí canh giáp ranh các thửa đất 200, 232, 248, 254, … xác định lối đi có chiều ngang 02m, chiều dài hết các thửa đất 446, 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4 để làm lối đi vào từng kỷ phần, diện tích phần lối đi vẫn nằm trong từng kỷ phần được hưởng.

Ông Anh, đại diện cho bà Ph, ông Ch đồng ý phần đất đang tranh chấp là di sản của cụ Châu và cụ Ý để lại, không phải đất cấp cho hộ gia đình nên không yêu cầu giải quyết chia tài sản cho các thành viên trong hộ. Bà Ph không có yêu cầu giải quyết về chi phí chăm sóc, phụng dưỡng cụ Châu, cụ Ý và bà Uyên cũng như chi phí tôn tạo, công sức duy trì, gìn giữ, phát triển phần đất đang tranh chấp. Bà Ph khi về sinh sống với cụ Châu, cụ Ý bẻ hái hoa lợi trên đất bù đắp vào các chi phí nêu trên. Bà Ph chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Châu, cụ Ý và yêu cầu được hưởng phần thừa kế của bà Uyên.

Vị trí từng kỷ phần các đương sự thống nhất chia như sau: từ rạch Ngọn Nhỏ chia cho ông Th, đến kỷ phần của bà Uyên, bà Ph, chị Tr chị Tr1 và cuối cùng là ông Ch.

Ông Ch không yêu cầu giải quyết công sức, chi phí ông Ch đã bỏ ra để cải tạo, phát triển phần đất đang tranh chấp như hiện nay; không yêu cầu giải quyết hoàn trả lại giá trị căn nhà trên đất đang tranh chấp.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph; yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th, ông Nguyễn Văn Ch đối với phần đất thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, diện tích 16.060m^2, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E, theo đo đạc thực tế có diện tích 16.459,8m^2. Các kỷ phần thừa kế lần lượt chia như sau:

- Ông Trần Văn Th được nhận phần đất có diện tích 1.386,5m^2 tại vị trí một phần thửa 407(4) diện tích 1.343,8m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 407a) và thửa 444(4) diện tích 42,7m^2.

- Bà Nguyễn Thị Uyên do bà Nguyễn Thị Ph được hưởng phần đất có diện tích 2.541,8m^2 thuộc một phần thửa 407(4) diện tích 526,6m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 407b), thửa 443(4) diện tích 288,8m^2 và một phần thửa 132(4) diện tích 1.726,4m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử

dụng đất là thửa 132a).

- Bà Nguyễn Thị Ph được nhận phần đất có diện tích 2.541,8m^2 thuộc một phần thửa 132(4) diện tích 2.057,6m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 132b) (bao gồm phần thổ mộ), thửa 446(4) diện tích 15,2m^2, một phần thửa 231(4) diện tích 469m^2; 300m^2 đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 231(4) (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231a1-1; 231a1-2).

Bà Nguyễn Thị Ph cùng với gia đình bà Ph có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở, chị Lê Thị Ph Tr, chị Lê Thị Ph Tr1, ông Nguyễn Văn Ch, ông Trần Văn Th thăm viếng, chăm sóc, …. các ngôi mộ trên phần đất bà Nguyễn Thị Ph được hưởng theo phong tục tập quán.

Ghi nhận chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, ông Trần Văn Th và ông Trần Văn Ch đồng ý cho bà Nguyễn Thị Ph được hưởng căn nhà và công trình kiến Tr1 trên đất tọa lạc trên một phần thửa 231(4) (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231a1-1; 231a1-2), như sau:

Hàng rào trụ đà bê tông cốt thép, tường xây lửng cao ≤ 0,8m, phía trên tường lắp khung lưới B40, diện tích 46,53m^2. Cổng hàng rào trụ sơn nước, cổng cửa bằng khung lưới B40, diện tích 4,81m^2. Nhà khung cột thép không vách nền lát gạch Terazo, mái tôn tráng kẽm, diện tích 46,46m^2. Mái che nền xi măng, diện tích 13,25m^2. Nhà chính kết cấu nhà một tầng móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng bằng gạch xây 10cm, hoàn thiện sơn nước, trần nhựa, mái tôn tráng kẽm, nền lát gạch ceramic, diện tích 197,65m^2. Nhà củi kết cấu nhà một tầng, cột gỗ tạp, vách gỗ tạp không trần, nền xi măng hoặc gạch tàu, mái tôn tráng kẽm, diện tích 34,98m^2. Chuồng trại: cột bê tông cốt thép, tường lửng cao (0,8 – 01m), nền xi măng, mái tôn, diện tích 114,24m^2.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn Ch không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả lại giá trị hàng rào cũng như tiền đầu tư, công sức của ông Ch trên đất.

- Chị Lê Thị Ph Tr và chị Lê Thị Ph Tr1 được nhận 01 kỷ phần của bà Nguyễn Thị Thới có diện tích 3.014,1m^2 thuộc một phần thửa 231(4) diện tích 2.741,5m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231b1-1, 231b1-2) và một phần thửa 405(4) diện tích 272,6m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 405a1, 405a2).

- Ông Nguyễn Văn Ch được nhận phần đất có diện tích 6.675,6m^2 tại một phần thửa 405(4) diện tích 3.153,2m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 405b1, 405b2) và thửa 409(4) diện tích 3.522,4m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 409a, 409b).

Ghi nhận trên mỗi phần thừa kế được hưởng cả cây trồng trên đất, không

phải hoàn trả lại giá trị cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị Ph.

Ghi nhận chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch đồng ý sử dụng phần đất thuộc các thửa 231a1-2, 231b1, 405a2, 405b2, 409b thuộc một phần thửa 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E để làm lối đi chung vào từng kỷ phần.

Chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, ông Nguyễn Văn Ch được sử dụng lối đi trên phần đất các thửa 231a1-2, 231b1, 405a2, 405b2, 409b, thuộc một phần thửa 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án này.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph; yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Ch đối với yêu cầu chia tài sản chung của hộ.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về chi phí chăm sóc, phụng dưỡng cụ Châu, cụ Ý và bà Uyên; chi phí ma chay cho bà Uyên; chi phí tôn tạo, công sức duy trì, gìn giữ, phát triển phần đất đang tranh chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1 chia thừa kế 10 chỉ vàng 24K999.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/11/2024 Toà án nhân dân huyện B nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Văn Th. Nội dung kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng Chia phần đất kỷ phần của bà Nguyễn Thị Uyên cho ông Trần Văn Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Th yêu cầu phân chia tài sản của cụ Châu, cụ Ý theo quy định pháp luật; đồng thời ông Th cũng yêu cầu phân chia phần kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Uyên cho ông. Phía nguyên đơn, bị đơn và ông Ch không đồng ý với yêu cầu của ông Th và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Bùi Văn Chọn, bà Trần Thị Hồng Châu; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Th được làm đúng theo quy định trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự khác không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[2] Nội dung kháng cáo:

Ông Trần Văn Th kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật, đồng thời chia cho ông được nhận kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Uyên.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Quỳnh Chi, Nguyễn Kiều Nhi, Nguyễn Văn L, Nguyễn Kim Ngân, ông Nguyễn Văn Ch không đồng ý với yêu cầu của ông Th, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của TAND huyện B để bản án sơ thẩm có hiệu lực, để có cơ sở thiết lập quyền quản lý tài sản theo đúng quy định.

[2.1] *Về di sản thừa kế*: Các đương sự thống nhất cụ Châu, cụ Ý chết không để lại di chúc và tài sản cụ Châu, cụ Ý để lại là phần đất có diện tích 16.060m^2 thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E, theo đo đạc thực tế có diện tích 16.459,8m^2. Do tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân thực tế của cụ Châu, cụ Ý nên tài sản thuộc thửa thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4 là tài sản chung của cụ Châu, cụ Ý. Vì là tài sản chung nên tài sản được chia đôi mỗi người một phần cụ thể phần tài sản của cụ Châu có diện tích 16.459,8m^2 : 2 = 8.229,9m^2; tài sản của cụ Ý có diện tích 8.229,9m^2. Do cụ Châu, cụ Ý chết không để lại di chúc nên tài sản cụ Châu, cụ Ý được chia theo

pháp luật. Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/12/2023 của Hội đồng định giá huyện B thì tổng giá trị tài sản của cụ Châu và cụ Ý để lại là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4 có giá trị là 5.986.920.000 đồng. Do các đương sự thống nhất cho bà Ph được hưởng 300m^2 thuộc một phần thửa 231 đất ở tại vị trí có căn nhà trên nên ghi nhận. Vì vậy cần trừ giá trị quyền sử dụng đất 300m^2 đất ở là 210.000.000 đồng, giá trị phần di sản của cụ Châu và cụ Ý còn lại là 5.776.920.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản của cụ Châu là 5.776.920.000 đồng : 2 = 2.888.460.500 đồng; giá trị di sản của cụ Ý là 2.888.460.500 đồng.

[2.2] *Về hàng thừa kế và kỷ phần thừa kế*:

Các đương sự trình bày thống nhất cụ Nguyễn Văn Châu và cụ Đặng Thị Ý có 04 người con chung là ông Ch, bà Uyên và bà Ph và bà Thới; ông Trần Văn Th là con riêng của cụ Ý ; đây là sự thống nhất thừa nhận của các bên nên ghi nhận và không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự 2025, cụ Châu chết năm 1999 hàng thừa kế thừ nhất của cụ Châu là các con của bà Thới (Ph Tr, Ph Tr1), Ông Ch, bà Uyên, bà Ph, cụ Ý (là 05 kỷ phần); mỗi kỷ phần là 2.888.460.500 đồng : 5 = 577.692.000 đồng/kỷ phần.

Năm 2009 cụ Ý chết hàng thừa kế thừ nhất của cụ Ý là các con của bà Thới (Ph Tr, Ph Tr1), Ông Ch, bà Uyên, bà Ph và ông Th (05 kỷ phần); Như vậy Cụ Ý nhận 01 kỷ phần thừa kế từ cụ Châu và ½ tài sản chung nên mỗi kỷ phần là (2.888.460.500 đồn + 577.692.000 đồng) : 5 = 693.230.500 đồng /kỷ phần.

Như vậy, theo sự thống nhất của các bên thì ông Trần Văn Th là con riêng của cụ Ý nên chỉ được nhận một kỷ phần thừa kế của cụ Ý có giá trị là 693.230.500 đồng. Bà Thới, ông Ch, bà Uyên và bà Ph mỗi người được nhận 01 kỷ phần của cụ Châu và 01 kỷ phần của cụ Ý là 577.692.000 đồng + 693.230.500 đồng = 1.270.922.500 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Th:

Ông Th yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí hiện nay ông Th đang quản lý thuộc thửa 407(4). Tại "Biên bản định giá" ngày 26/12/2023 của Hội đồng định giá huyện B có giá 500.000 đồng/m^2. Giá trị kỷ phần ông Th được nhận là 693.230.500 đồng : 500.000 đồng/m^2 = 1.386,5m^2 . Nên cấp sơ thẩm giao ông Th được nhận tại vị trí một phần thửa 407a diện tích 1.343,8m^2 và thửa 444(4) diện tích 42,7m^2 là phù hợp.

Ngoài ra, ông Th còn yêu cầu chia kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Uyên cho ông được nhận. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông Th cùng các đồng thừa kế khác là ông Ch, bà Ph thống nhất giao kỷ phần thừa kế của bà Uyên cho bà Ph

không yêu cầu giải quyết. Tại cấp phúc thẩm ông Th yêu cầu giải quyết chia kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Uyên là vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, Toà án nhân dân huyện B chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Ông Trần Văn Th kháng cáo là có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Văn Th phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên ông Th là người cao tuổi nên dược miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10

Áp dụng Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph; yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th, ông Nguyễn Văn Ch đối với phần đất thuộc thửa 1431, 1432, tờ bản đồ số 1, diện tích 16.060m^2, (thửa mới là thửa 132, 231, 405, 409, 443, 444, 446 và 407, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh E, theo đo đạc thực tế có diện tích 16.459,8m^2. Các kỷ phần thừa kế lần lượt chia như sau:

- Ông Trần Văn Th được nhận phần đất có diện tích 1.386,5m^2 tại vị trí một phần thửa 407(4) diện tích 1.343,8m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 407a) và thửa 444(4) diện tích 42,7m^2.

- Bà Nguyễn Thị Uyên do bà Nguyễn Thị Ph được nhận phần đất có diện tích 2.541,8m^2 thuộc một phần thửa 407(4) được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng

sử dụng đất là thửa 407b), thửa 443(4) diện tích 288,8m^2 và một phần thửa 132(4) diện tích 1.726,4m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 132a).

- Bà Nguyễn Thị Ph được nhận phần đất có diện tích 2.541,8m^2 thuộc một phần thửa 132(4) diện tích 2.057,6m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 132b) (bao gồm phần thổ mộ), thửa 446(4) diện tích 15,2m^2, một phần thửa 231(4) diện tích 469m^2; 300m^2 đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 231(4) (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231a1-1; 231a1-2).

Bà Nguyễn Thị Ph cùng với gia đình bà Ph có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở, chị Lê Thị Ph Tr, chị Lê Thị Ph Tr1, ông Nguyễn Văn Ch, ông Trần Văn Th thăm viếng, chăm sóc các ngôi mộ trên phần đất bà Nguyễn Thị Ph được hưởng theo phong tục tập quán.

Ghi nhận chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, ông Trần Văn Th và ông Trần Văn Ch đồng ý cho bà Nguyễn Thị Ph được hưởng căn nhà và công trình kiến Tr1 trên đất tọa lạc trên một phần thửa 231(4) (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231a1-1; 231a1-2), như sau:

Hàng rào trụ đà bê tông cốt thép, tường xây lửng cao ≤ 0,8m, phía trên tường lắp khung lưới B40, diện tích 46,53m^2.

Cổng hàng rào trụ sơn nước, cổng cửa bằng khung lưới B40, diện tích 4,81m^2.

Nhà khung cột thép không vách nền lát gạch Terazo, mái tôn tráng kẽm, diện tích 46,46m^2.

Mái che nền xi măng, diện tích 13,25m^2.

Nhà chính kết cấu nhà một tầng móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng bằng gạch xây 10cm, hoàn thiện sơn nước, trần nhựa, mái tôn tráng kẽm, nền lát gạch ceramic, diện tích 197,65m^2.

Nhà củi kết cấu nhà một tầng, cột gỗ tạp, vách gỗ tạp không trần, nền xi măng hoặc gạch tàu, mái tôn tráng kẽm, diện tích 34,98m^2.

Chuồng trại: cột bê tông cốt thép, tường lửng cao (0,8 – 01m), nền xi măng, mái tôn, diện tích 114,24m^2.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn Ch không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả lại giá trị hàng rào cũng như tiền đầu tư, công sức của ông Ch trên đất.

- Chị Lê Thị Ph Tr và chị Lê Thị Ph Tr1 được nhận 01 kỷ phần của bà Nguyễn Thị Thới có diện tích 3.014,1m^2 thuộc một phần thửa 231(4) diện tích 2.741,5m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 231b1-1, 231b1-2) và một phần thửa 405(4) diện tích 272,6m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 405a1, 405a2).

- Ông Nguyễn Văn Ch được nhận phần đất có diện tích 6.675,6m^2 tại một phần thửa 405(4) diện tích 3.153,2m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 405b1, 405b2) và thửa 409(4) diện tích 3.522,4m^2 (được ký hiệu trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất là thửa 409a, 409b).

Ghi nhận trên mỗi phần thừa kế được hưởng cả cây trồng trên đất, không phải hoàn trả lại giá trị cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị Ph.

Ghi nhận chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch đồng ý sử dụng phần đất thuộc các thửa 231a1-2, 231b1, 405a2, 405b2, 409b thuộc một phần thửa 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E để làm lối đi chung vào từng kỷ phần.

Chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1, ông Nguyễn Văn Ch được sử dụng lối đi trên phần đất các thửa 231a1-2, 231b1, 405a2, 405b2, 409b, thuộc một phần thửa 231, 405 và 409, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp Tân Thiện, xã T, huyện B, tỉnh E.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án này.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph; yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Ch đối với yêu cầu chia tài sản chung của hộ.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về chi phí chăm sóc, phụng dưỡng cụ Châu, cụ Ý và bà Uyên; chi phí ma chay cho bà Uyên; chi phí tôn tạo, công sức duy trì, gìn giữ, phát triển phần đất đang tranh chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu chị Lê Thị Ph Tr, Lê Thị Ph Tr1 chia thừa kế 10 chỉ vàng 24K999.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Lê Thị Ph Tr và chị Lê Thị Ph Tr1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí số tiền là 50.128.000đ (Năm mươi triệu một tram hai mươi tám ngàn đồng) được khấu trừ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005347 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Chị Lê Thị Ph Tr và chị Lê Thị Ph Tr1 còn phải đóng số tiền 45.128.000đ (Bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Ph, ông Trần Văn Th, ông Nguyễn Văn Ch được miễn án phí.

- Chi phí tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị Ph, ông Trần Văn Th, ông Nguyễn Văn Ch mỗi người phải chịu số tiền là 3.109.500đ (Ba triệu một trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng). Chị Tr, chị Tr1 đã nộp đủ toàn bộ số tiền trên nên bà Ph, ông Th, ông Ch mỗi người phải hoàn trả lại cho chị Tr và chị Tr1 số tiền chi phí định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.109.500đ (Ba triệu một trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng).

+ Chị Lê Thị Ph Tr và chị Lê Thị Ph Tr1 phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền chi phí tố tụng là 3.109.500đ (Ba triệu một trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng). Chị Tr, chị Tr1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện M;
- VKSND tỉnh E;
- Chi cục THADS huyện M ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương